TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Hải Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị T Hiền

2. Ông Hà Đình Chỉnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị M Hải - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 03-12-2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, thông báo mở lại phiên tòa số 11/2019/TB-XX ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Duy C - sinh năm 1983. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị T - sinh năm 1984. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn M, xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-11-2018; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Lê Duy C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lương Thị T kết hôn ngày 05-11-2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân L, huyện Y, tỉnh Yên Bái, trước kết hôn có tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xảy ra cãi nhau. Anh chị và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có một con chung là: Lê Lương Nhật M, sinh ngày 18-3-2009. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về thời gian, địa điểm kết hôn như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến 30-4-2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C ngoại tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh C đã có con riêng nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đồng ý ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận có một con chung như anh C đã trình bày. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Lương Nhật M, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu M 2.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Lương Nhật M, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là chị Lương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M Long, xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Lê Duy C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Chị Lương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Duy C và chị Lương Thị T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái - là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C và chị T chung sống hạnh

phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị T đã đến Tòa án viết bản tự khai và chứng kiến việc lấy lời khai của con trai là cháu Lê Lương Nhật M, nhưng sau đó được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh C là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là: Lê Lương Nhật M, sinh ngày 18-3-2009. Hội đồng xét xử thấy, cháu M hiện đang được anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy cháu M có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, nhưng hiện chị T không có mặt tại nơi cư trú, không thường xuyên chăm sóc cháu M, nên cần giao cháu M cho anh C trực nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Anh chị không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Duy C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Duy C được ly hôn chị Lương Thị T

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Duy C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Lương Nhật M, sinh ngày 18-3-2009 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Duy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo

biên lai thu tiền số AA/2017/0002009 ngày 03-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Tp. Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp. Yên Bái;
- UBND xã Xuân Lai, H. Yên Bình;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hải Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Anh